

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày 31-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Hải

Các hội thẩm nhân dân: ông Y Đơ Niê; ông Nguyễn Văn Giang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh Tr, sinh ngày: 24/11/1999 tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 02, xã E, huyện M, Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: nam; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Th. Tiền án: ngày 14/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án ngày 30/3/2019. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/09/2015, bị Công an huyện M xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/10/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn Tr1, sinh ngày 05/8/2001 tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Trình độ học vấn 5/12; Nghề nghiệp: làm nông; con ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị L; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/3/2018 bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 23/3/2018.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giam từ ngày 23/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Y H Niê, sinh ngày 20/7/2000 tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; con ông Y P Niê và bà Lưu Thị Thanh Th1; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 04/12/1990 tại huyện P, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: thôn 12, xã H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Con ông Nguyễn Duy Th2 - đã chết; Con bà Lê Thị T; Bị cáo không có vợ; Bị cáo có 01 con sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giam từ ngày 31/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Những người tham gia tố tụng khác:**

- *Người bị hại:*

+ Chị Lê Thị Thu M, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn 20, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 20, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Quang T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tiến Tr2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 7, xã H, Thành phố B tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lê Trung N, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Học viện hậu cần, phường N, quận L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 20, xã Ea, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Quang C, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn QT, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Đàm Thị L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn 8, xã ND, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 25/6/2019, Trần Thanh Tr điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 47G1-220.67 của bà Nguyễn Thị Th (mẹ của Truyền) chở Y H Niê đi đến thôn 2, xã K phát hiện xe mô tô BKS 20M2-2943 của anh Nguyễn Văn D đang dừng ở hiên nhà anh Nguyễn Văn T, Y H dắt xe ra rút dây điện ổ khóa khởi động điều khiển xe cùng với Truyền lên thành phố B, bán xe mô tô cho một người đàn ông (không rõ nhân thân) với giá 700.000đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M'Đrăk kết luận: Xe mô tô BKS 20M2-2943 của anh D trị giá 352.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/7/2019, Tr điều khiển xe mô tô BKS 47G1-220.67 chở Y H vào xã E, huyện M. Đến thôn 20, xã E, phát hiện xe mô tô BKS 47AB-423.69 của gia đình chị Lê Thị Thu M đang dừng ở sân nhà, Y H vào lấy xe dắt ra đường rút dây điện khởi động điều khiển xe cùng với Tr lên thành phố B. Khoảng 17 giờ ngày 12/7/2019, Tr và Y H bán xe với giá 900.000đồng cho một người đàn ông (không rõ nhân thân) tại đường T, phường E, thành phố B.

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 29/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện M'Đrăk kết luận: Xe mô tô 47AB-423.69 của gia đình chị M trị giá 5.100.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 19/7/2019, Tr điều khiển xe mô tô BKS 47G1-220.67 chở Phạm Văn Tr1 đi vòng quanh thị trấn M'Đrăk tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi phát hiện xe mô tô BKS 48H2-1753 của anh Phạm Quang T đang dừng ở cổng nhà anh Nguyễn Bá H ở tổ dân phố 6, thị trấn M, Tr1 dắt xe ra đường rút dây điện của ổ khóa khởi động, điều khiển xe cùng với Tr lên thành phố B đến nhà trọ Y H đang ở cùng Tr. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 20/7/2019, Tr, Tr1 cùng đi đến đường T, phường E, TP. B để bán xe trộm thì bị Công an thành phố B bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 29/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M'Đrăk kết luận: xe mô tô 02 bánh BKS 48H2-1753 của anh T trị giá 500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ ngày 07/9/2019, khi đang đi ngang qua vườn cao su của gia đình anh Phan Trọng Đ ở thôn 8, xã Ea M'Đoal, huyện M, Tr1 phát hiện xe mô tô không gắn biển kiểm soát (chưa xác định được chủ sở hữu) đang dừng ở góc

vườn. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Tr1 quay trở lại vườn cao su chiếm đoạt xe mô tô này đưa về nhà làm phương tiện đi lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 04/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện M'Đrăk kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda không gắn BKS trị giá 348.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 02 giờ ngày 08/9/2019, Tr1 điều khiển xe mô tô (xe đã chiếm đoạt ngày 07/9/2019) đến nhà anh Nguyễn Văn C tại thôn 20, xã E chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 mà anh C đang cầm sạc pin đem về nhà sử dụng. Ngày 09/9/2019, khi Tr1 đang sử dụng điện thoại trên thì bị Công an huyện phát hiện và thu giữ điện thoại cùng chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt trước đó.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 04/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M'Đrăk kết luận: điện thoại OPPO F11 của anh C trị giá 6.682.500 đồng.

Vụ thứ sáu: Trong thời gian tại ngoại, Tr bỏ đi khỏi địa phương lên thành phố B thuê phòng trọ để ở thì quen biết Nguyễn Mạnh T. T rủ Tr đi trộm cắp hoa phong lan để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 23 giờ ngày 25/10/2019, T điều khiển xe mô tô BKS 47H1-5842 chở Tr đi từ trung tâm thành phố B đến nhà anh Nguyễn Tiến Tr2 ở thôn 7, HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. T trèo qua tường rào vào bên trong và lấy được 07 giỏ hoa lan các loại mang ra đưa cho Tr đứng bên ngoài. Trong lúc mang ra T làm rơi 01 giỏ lan nhưng không quay lại nhặt. Tr điều khiển xe còn T ngồi sau ôm 06 giỏ lan. Khi đến địa phận phường KX, TP. B thì bị Công an phường KX phát hiện bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 286/KL-HĐĐG ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản TP. Buôn Ma Thuột kết luận: 07 giỏ hoa lan có trị giá 4.100.000 đồng.

** Vật chứng tạm giữ:* Xe mô tô BKS 47G1-220.67, xe mô tô BKS 47AB-423.69, xe mô tô BKS 48H2-1753, điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, 07 giỏ hoa lan, xe mô tô không gắn biển kiểm soát nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, số khung: VNPOCH00415000519, số máy: LC152FMN01109319 và xe mô tô BKS: 47H1-5842.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 07/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk truy tố các bị cáo Trần Thanh Tr, Phạm Văn Tr1, Y H Niê và Nguyễn Mạnh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

** Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk đã truy tố nêu trên. Sau khi bị phát hiện, Y H đã tự nguyện tìm lại mô tô BKS 47AB-423.69 giao nộp cho gia đình chị Lê Thị Thu M. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Hiền đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn D thiệt hại xe mô tô BKS 20M2-2943 chưa tìm lại được.*

* Tại cơ quan điều tra, người bị hại chị Lê Thị Thu M, anh Phạm Quang T, anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Tiến Tr đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường. Anh Nguyễn Văn D có đơn bãi nại cho Y H.

* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung N, bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Quang C và bà Đàm Thị L không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Trần Thanh Tr, Phạm Văn Tr1, Y H Niê và Nguyễn Mạnh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Thanh Tr từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm h, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điểm b, h, i, r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Y H Niê từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M’Đăk đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp gồm xe mô tô BKS 47G1-220.67 cho chị Nguyễn Thị Th; xe mô tô BKS 47AB- 423.69 cho ông Lê Văn T; xe mô tô BKS 48H2-1753 cho ông Phạm Quang C; điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 cho anh Nguyễn Văn C; 07 giỏ hoa lan cho anh Nguyễn Tiến Tr2.

- Đối với xe mô tô BKS: 20M2-2943 hiện chưa truy thu được. Xe mô tô BKS 47H1-5842 và xe mô tô không gắn biển kiểm soát nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, số khung VNPOCH00415000519, số máy LC152FMN01109319 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên tách ra để xử lý khi có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện M’Đăk, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 08/9/2019, các bị cáo Trần Thanh Tr, Y H Niê, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Mạnh T lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt tài sản 05 lần trên địa bàn huyện M và 01 lần trên địa bàn Thành phố B. Cụ thể:

- Khoảng 23 giờ ngày 25/6/2019, tại thôn 2, xã K, huyện M, Tr và Y H Niê chiếm đoạt xe mô tô BKS 20M2-2943 của anh Nguyễn Văn D trị giá 352.000đồng.

- Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/7/2019, tại thôn 20, xã E, huyện M, Tr và Y H chiếm đoạt xe mô tô BKS 47AB-423.69 của anh Lê Trung N trị giá 5.100.000đồng.

- Khoảng 20 giờ ngày 19/7/2019, tại tổ dân phố 6, thị trấn M, Tr và Tr1 chiếm đoạt xe mô tô BKS 48H2-1753 của anh Phạm Quang T trị giá 500.000đồng;

- Khoảng 11 giờ ngày 07/9/2019, tại thôn 8, xã E, huyện M, Tr1 chiếm đoạt xe mô tô hai bánh không gắn biển kiểm soát (chưa xác định được chủ sở hữu) trị giá 348.000đồng;

- Khoảng 02 giờ ngày 08/9/2019, tại thôn 20, xã E, Tr1 chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 của anh Nguyễn Văn C trị giá 6.682.500 đồng;

- Khoảng 23 giờ ngày 25/10/2019, T và Tr chiếm đoạt 07 giỏ hoa lan các loại của anh Nguyễn Tiến Tr tại thôn 7, HP, TP.B, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá 07 giỏ lan trị giá 4.100.000đồng.

Tổng trị giá tài sản mà 04 bị cáo chiếm đoạt được là 17.082.500đồng, trong đó: bị cáo Tr cùng các bị cáo khác 04 lần (02 lần với bị cáo Y H, 01 lần với bị cáo Tr1 và 01 lần với bị cáo T) thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 10.052.000đồng; Bị cáo Y H cùng với bị cáo Tr 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (01 lần dưới mức 2.000.000đồng, 01 lần trên mức 2.000.000đồng) tổng trị giá 5.452.000đồng; Bị cáo Tr1 tự mình thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 lần (01 lần dưới mức 2.000.000đồng và 01 lần trên mức 2.000.000đồng) và cùng với bị cáo Tr thực hiện 01 lần (dưới mức 2.000.000đồng) tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 7.530.500đồng; Bị cáo T cùng với bị cáo Tr thực hiện 01 lần hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá 4.100.000đồng.

Như vậy hành vi nêu trên của Trần Thanh Tr, Phạm Văn Tr1, Y H Niê và Nguyễn Mạnh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:”

Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của nhiều gia đình, gây hoang mang trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự trao đổi nhưng không có sự phân công chặt chẽ. Do vậy hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Để cá thể hóa hình phạt và trách nhiệm dân sự, HĐXX cần xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng như vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo để lượng hình cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tr mới chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 04 lần, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo T, H và Tr1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Tr1, H, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo Tr và Y H đã tự khai nhận việc thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trước, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo H đã tích cực đi tìm và giao nộp lại xe mô tô BKS: 47AB-423.69 cho gia đình người bị hại và bồi thường cho người bị hại đối với chiếc xe mô tô chưa tìm được để khắc phục thiệt hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo H là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo, được người bị hại viết đơn bãi nại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo Tr và Tr1 có nhân thân xấu, đều đã từng bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó là bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Bị cáo Truyền cầm đầu rủ rê bị cáo Tr1 và Y H cùng phạm tội. Vì vậy hành vi của bị cáo Tr cần phải được xử lý nghiêm khắc nhất. Bị cáo Tr1 phải xử lý nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo T bỏ trốn trong quá trình điều tra, bị cáo Tr1 bỏ trốn trước khi mở phiên tòa. Vì vậy cần cách ly các bị cáo Tr, Tr1 và T ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo Y H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do đó cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS, không cần thiết phải bắt Y H chấp hành hình phạt tù, mà cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có ai yêu cầu về vấn đề bồi thường. Bị cáo Y H đã tự nguyện bồi thường cho anh D tiền thiệt hại chiếc xe bị mất chưa tìm lại được. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các bị cáo không có ý kiến và yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác

[4] Về vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả lại: xe mô tô BKS 47G1-220.67 cho chị Nguyễn Thị Th; xe mô tô BKS 47AB-423.69 cho ông Lê Văn T; xe mô tô BKS 48H2-1753 cho ông Phạm Quang C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 cho anh Nguyễn Văn C; 07 giỏ hoa lan cho anh Nguyễn Tiến Tr là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

- Đối với xe mô tô BKS 20M2-2943 hiện chưa truy thu được; xe mô tô BKS 47H1-5842 (do bị cáo Tiến mượn của chủ nhà trọ mà chưa xác định được nhân thân) và xe mô tô không gắn biển kiểm soát nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, số khung VNPOCH00415000519, số máy LC152FMN01109319 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Viện kiểm sát đề nghị tách ra để xử lý khi có căn cứ là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Bị cáo Tr thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Y H là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo, có đơn yêu cầu miễn án phí. Nên miễn toàn bộ tiền án phí HSST cho bị cáo Tr và bị cáo Y H.

- Bị cáo Tr1 và bị cáo T phải chịu tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Tội danh và hình phạt:

* Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh Tr, Phạm Văn Tr1, Y H Niê và Nguyễn Mạnh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thanh Tr 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 30/10/2019

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/3/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 31/12/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b, h, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Y H Niê 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/3/2020.

Giao bị cáo Y H Niê cho UBND thị trấn M'Đrăk, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Y H Niê có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện M'Đrăk giải quyết theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 BLHS và khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả lại: xe mô tô BKS 47G1-220.67 cho bà Nguyễn Thị Th, xe mô tô BKS 47AB- 423.69 cho ông Lê Văn T, xe mô tô BKS 48H2-1753 cho ông Phạm Quang C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 cho anh Nguyễn Văn C và 07 giỏ hoa lan cho anh Nguyễn Tiến Tr.

3. Về án phí: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội:

- Bị cáo Phạm Văn Tr1, bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thanh Tr và bị cáo Y H Niê.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- CQĐT Công an huyện M'Đrăk;
- Cơ quan THAHS CA huyện M'Đrăk;
- Bị cáo, đương sự;
- Văn phòng;
- Văn thư, kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vũ Thị Hải